

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 8 -2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quốc Bảo -Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Yến N, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Nguyễn Hòa H (Hưng), sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/4/2019, bản tự khai ngày 12/7/2019, nguyên đơn chị Trần Thị Yến N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hòa H (Hưng) kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh T. Sau khi kết hôn chị về sống bên gia đình chồng ở Tam H. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc được thời gian 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tiền bạc, chị đi làm nuôi con chung, anh H kêu đưa tiền chị không đưa anh H chửi, đánh chị vào ban đêm tại nhà trọ. Chị và anh H ly thân tháng 3 năm 2018. Chị có làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án yêu cầu giải quyết vào tháng 3/2019 nhưng anh H năn nỉ hàn gắn lại tình cảm nên chị đã làm đơn rút đơn khởi kiện và vụ án ly hôn Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy Nên, vợ chồng về chung sống vẫn không thể hàn gắn lại được tình cảm, anh H không có thay đổi tính tình và vợ chồng ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Chị về nhà cha mẹ ruột, mỗi người sống riêng không hàn gắn lại được tình cảm. Quá trình chung sống chị và anh H có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày: 28/02/2015 hiện anh H đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Yến N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Hòa H (Hưng).
- Về con chung: Chị đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/7/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án, giữa chị và anh H đã thỏa thuận và thống nhất tất cả các yêu cầu khởi kiện nhưng ngày 17/7/2019 anh H thay đổi ý kiến thỏa thuận là không đồng ý ly hôn với chị.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, về quan hệ hôn nhân chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh H vì cả hai không thể hàn gắn lại được tình cảm. Về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 12/7/2019, bị đơn anh Nguyễn Hòa H(Hưng) trình bày:

Anh và chị Trần Thị Yến N kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam H, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N về sống cùng gia đình anh ở Tam H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn chị N trình bày là không đúng. Nguyên nhân là do tiền bạc chị N không rõ ràng dẫn đến vợ chồng cự cãi và chị N có người đàn ông khác. Hiện nay chị N đã về nhà cha mẹ ruột ở Thới Lai sống. Anh và chị N đã ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Anh và chị N chung sống có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến Như, sinh ngày: 28/02/2015 hiện anh đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 12/7/2019 Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án, giữa anh và chị N đã thỏa thuận và thống nhất tất cả các yêu cầu khởi kiện của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ngày 17/7/2019 anh thay đổi ý kiến thỏa thuận là không đồng ý ly hôn với chị N. Lý do là con còn nhỏ, cho chị N cơ hội để quay trở lại hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh. Chị N không hàn gắn tình cảm thì đợi con chung lớn anh đồng ý ly hôn với chị N. Tại phiên Tòa về con chung anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng theo quy định của pháp luật. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm trong việc gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát còn chậm chưa đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự cần khắc phục trong hướng tới. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Yến N. Chị Trần Thị Yến N và anh Nguyễn Hòa H được ly hôn. Về con chung: Để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H hằng tháng số tiền là 745.000 đồng ($\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng) đến khi con chung đã thành niên. Tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H khai thống nhất không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Yến N và anh Nguyễn Hòa H (Hưng) kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam H, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai về sống cùng gia đình anh H tại xã Tam H và chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo hai bên trình bày là mâu thuẫn về kinh tế và anh H cho rằng chị N có người đàn ông khác. Chị N đã làm đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết 01 lần vào tháng 3 năm 2019 nhưng sau đó chị N đã rút đơn khởi kiện để hàn gắn lại tình cảm với anh H, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 nhưng từ đó đến nay cả hai cũng không hàn gắn lại được tình cảm với nhau. Chị N và anh H ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay, mỗi người sống riêng. Mặc khác, trong thời gian ly thân chị N khai anh H đã đến nhà cha mẹ ruột chị ở Thới Lai chửi bới. Lời khai này của chị N hoàn toàn phù hợp với biên bản của Công an xã Thới Lai lập ngày 31/3/2019 (Bút lục số 19). Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, anh H không đồng ý ly hôn với chị N vì còn thương chị N, con còn

nhỏ anh H cho chị N cơ hội để quay lại hàn gắn tình cảm với anh nhưng anh H không có những biện pháp, lời lẽ nào để chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H, không đồng ý hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H yêu cầu được hàn gắn, đoàn tụ lại với chị N không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị N và anh H khai thống nhất, vợ chồng chung sống có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày: 28/02/2015, anh H đang nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị N và anh H đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh H là người trực tiếp đang nuôi dưỡng con chung, trong thời gian chị N và anh H ly thân, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phát triển bình thường, được anh H chăm sóc và phát triển tốt. Điều này tại phiên Tòa sơ thẩm chị N cũng khẳng định điều này. Để tránh sự thay đổi về người nuôi con, môi trường sinh sống, tâm lý của đứa trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị N. Anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày: 28/02/2015 là phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày: 28/02/2015 yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng cho anh theo quy định của pháp luật là $\frac{1}{2}$ của mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng là 745.000 đồng đến khi con chung đã thành niên (Đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Thời gian chị N thực hiện việc cấp dưỡng

tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/8/2019 đến khi con chung đã thành niên (Đủ 18 tuổi).

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị N và anh H khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Án phí cấp dưỡng nuôi con chị N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Yến N.
2. Chị Trần Thị Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Hòa H (Hưng).
3. Về con chung: Anh Nguyễn Hòa H (Hưng) được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày: 28/02/2015.

Chị Trần Thị Yến N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Hòa H (Hưng) hằng tháng số tiền là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi

lăm nghìn đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/8/2019 cho đến khi con chung Nguyễn Ngọc Yến N đã thành niên (Đủ 18 tuổi).

Trong thời gian con chung của chị N và anh H chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, anh H có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị Trần Thị Yến N và anh Nguyễn Hòa H (Hưng) khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con:

Chị Trần Thị Yến N phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003364 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Trần Thị Yến N và anh Nguyễn Hòa H (Hưng) có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra ngH vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã Tam H
(Số 09/2014, quyền số 01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương